

Ý THỨC QUỐC GIA CỦA NGƯỜI GIÁY VÀ NGƯỜI HÔNG Ở KHU VỰC BIÊN GIỚI TỈNH LÀO CAI¹

TS. Trần Hồng Thu

Viện Dân tộc học

Email: tranhongthu74@yahoo.com

Tóm tắt: Gắn với nội hàm của khái niệm “ý thức quốc gia” và lý thuyết “cảm thức thuộc về” (Belonging theory), và dựa trên các kết quả nghiên cứu điền dã dân tộc học được thực hiện tại một số xã biên giới thuộc huyện Bát Xát và huyện Mường Khương trong hai năm 2021 và 2022, bài viết phân tích ý thức quốc gia của hai tộc người Giáy và Hmông ở vùng biên giới tỉnh Lào Cai. Kết quả nghiên cứu cho thấy, hai tộc người này đã hình thành và phát triển ý thức quốc gia trong quá trình sinh sống lâu đời tại khu vực. Họ có ý thức là công dân Việt Nam, khẳng định Việt Nam là quê hương; có nhận thức về biên giới chủ quyền quốc gia, hệ thống luật pháp, quyền công dân, nghĩa vụ công dân, ngôn ngữ quốc gia; thực hiện các chính sách trong xây dựng đất nước. Tuy vậy, ở một số khía cạnh, sự nhận thức và hiểu biết về quốc gia Việt Nam của người dân tộc thiểu số ở vùng biên giới còn hạn chế, nên cần có những hoạt động để nâng cao nhận thức cho họ, nhằm củng cố ý thức quốc gia, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, ổn định an ninh chính trị, an ninh quốc phòng vùng biên giới.

Từ khóa: Ý thức quốc gia, người Giáy, người Hmông, biên giới, Lào Cai.

Abstract: Attached to the connotations of the concept of national consciousness and the theory of belonging, and based on ethnographic field research conducted in selected border communes in Bat Xat district and Muong Khuong district between 2021 and 2022, the article analyses the national consciousness of Giay and Hmong ethnic groups in Lao Cai province's border area. Research results show that the members of these two ethnic groups have developed a strong national consciousness during their long-term residence in the area. They possess a sense of being Vietnamese citizens, firmly asserting Vietnam as their homeland. They demonstrate awareness of national border sovereignty, the legal system, citizenship rights, civic obligations, and the national language, while also adhering to nation-building policies. However, there are certain limitations in the understanding and awareness of Vietnam as a nation among ethnic minorities in the border areas. Therefore, activities should be implemented to enhance their awareness, strengthen their national consciousness, and contribute to socioeconomic development, political stability, and national defense in the border regions.

¹ Bài viết này là kết quả của đề tài cấp Bộ: “Truyền thông và vấn đề ý thức quốc gia của một số tộc người vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc tại tỉnh Lào Cai” do Viện Dân tộc học chủ trì, TS. Trần Hồng Thu làm chủ nhiệm giai đoạn 2021-2022.

Keywords: *National consciousness, Giay, Hmong, border, Lao Cai.*

Ngày nhận bài: 6/4/2023; ngày gửi phản biện: 28/4/2023; ngày duyệt đăng: 28/6/2023

Đặt vấn đề

Vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc là nơi luôn có nhiều biến động, tranh chấp biên giới và xung đột trong lịch sử (Đậu Tuấn Nam và cộng sự, 2017). Phần lớn các tộc người sinh sống trong khu vực có nguồn gốc di cư từ Trung Quốc sang Việt Nam ở nhiều thời điểm khác nhau, có các mối quan hệ đồng tộc và thân tộc với nhiều tộc người sinh sống ở vùng biên giới phía Trung Quốc (Lê Minh Anh, 2019; Lý Hành Sơn và Trần Thị Mai Lan chủ biên, 2017; ...). Sự phát triển của Trung Quốc ở vùng biên giới về các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội nhờ sự đầu tư của các chương trình chiến lược “Đại khai phát miền Tây”, “Hưng biên phú dân”... và chủ trương tăng cường văn hóa xuyên biên giới, sử dụng văn hóa như là một quyền lực mềm thông qua chiến lược “Một vành đai, một con đường” vào đầu những năm 2000 đã tạo nên một lực hút mạnh mẽ đối với các cư dân sinh sống ở vùng biên giới của Việt Nam. Nhiều tộc người của Việt Nam sinh sống ở vùng biên giới đã hình thành và phát triển các mối quan hệ kinh tế - xã hội với phía Trung Quốc qua các hoạt động giao thương, hôn nhân, quan hệ dòng họ, tiêu dùng văn hóa,... Các hoạt động này có tác dụng tích cực trong việc phát triển kinh tế tộc người, thúc đẩy ngoại giao nhân dân ở vùng biên giới. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, các hoạt động này cũng cho thấy những tác động tiêu cực đến an ninh chính trị vùng biên giới: sự gia tăng của các tội phạm và tệ nạn xã hội như buôn bán ma túy, buôn bán người, buôn lậu...; xuất hiện các quan hệ tôn giáo, tín ngưỡng xuyên quốc gia, có những dấu hiệu bất ổn về chính trị như không tiếp xúc với chính quyền, không nói tiếng Việt, từ chối sử dụng tiền Việt trong giao dịch... (Bùi Xuân Đính, Nguyễn Ngọc Thanh chủ biên, 2013; Lý Hành Sơn, Trần Thị Mai Lan chủ biên, 2017; Lý Hành Sơn, 2021; Bùi Xuân Đính, 2021). Điều này cho thấy, ý thức quốc gia của các tộc người sinh sống trong vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc có vị trí đặc biệt quan trọng trong việc bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền quốc gia.

Trước đây, ý thức quốc gia của các tộc người, đặc biệt là các tộc người sinh sống ở vùng biên giới mới chỉ được đề cập trong một số ít các nghiên cứu dân tộc học liên quan đến bản sắc tộc người hay quan hệ dân tộc xuyên biên giới (Vương Xuân Tình, Lê Minh Anh, 2021). Hiện nay, đã bắt đầu có các nghiên cứu về ý thức quốc gia của cộng đồng người Tày, Nùng, Hmông, Lô Lô ở vùng biên giới tỉnh Hà Giang (Vương Xuân Tình, 2022a; 2022b; Nguyễn Thị Thanh Bình chủ nhiệm, 2022; Nguyễn Thị Thanh Bình, Lý Hành Sơn, 2022). Tuy nhiên, vẫn còn thiếu vắng những nghiên cứu về ý thức quốc gia của các tộc người vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc ở các địa bàn khác.

Dựa trên kết quả phỏng vấn sâu và điều tra phiếu hỏi trong các năm 2021, 2022², bài viết đề cập đến ý thức quốc gia của tộc người Giáy và người Hmông ở vùng biên giới tỉnh Lào Cai, nơi có những đặc điểm tự nhiên và tộc người khác biệt so với vùng biên giới của tỉnh Hà Giang, để cung cấp thêm các tư liệu về ý thức quốc gia của các tộc người vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

1. Ý thức quốc gia - ý thức cá nhân về giá trị quốc gia và cảm thức thuộc về

Vương Xuân Tình (2019) cho rằng, quốc gia - dân tộc là cộng đồng kiến tạo, là cộng đồng chính trị - xã hội - văn hóa. Cộng đồng quốc gia - dân tộc hình thành do sự vận động, phát triển của kinh tế - xã hội, của lịch sử và đặc biệt có sự tác động mạnh mẽ của chính trị - tức sự quản trị của nhà nước. Bởi vậy, tình cảm cá nhân gắn kết chặt chẽ với ý thức, trách nhiệm công dân là cơ sở quan trọng để tạo nên sự cố kết của cộng đồng này.

Anderson (2019) khi bàn về nguồn gốc của ý thức quốc gia đã cho rằng, khái niệm quốc gia - dân tộc là khái niệm về một cộng đồng được hình thành và phát triển trong trí óc của các thành viên trong cộng đồng đó; là các cấp độ khác nhau của quá trình tự nhận thức của mỗi thành viên, trong những môi trường xã hội khác nhau, hợp nhất với các hệ tư tưởng và chính trị tương ứng. Cơ sở của cộng đồng này là ý thức quốc gia - dân tộc, trong đó nền tảng là ngôn ngữ và chữ viết.

Ý thức quốc gia được hiểu là ý thức của cá nhân, cộng đồng người về quốc gia; là sự hình thành ý thức cá nhân về các giá trị của quốc gia, các chuẩn mực xã hội trong quốc gia đó. Ý thức quốc gia chính là sự chia sẻ của mọi công dân trong một quốc gia về nhận thức, tình cảm, trách nhiệm đối với lãnh thổ và bản sắc văn hóa chung của quốc gia. Biểu hiện cụ thể của ý thức quốc gia trên một số khía cạnh như ý thức về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, an ninh, quốc phòng, quan hệ của quốc gia mình với quốc gia khác, mối quan tâm, trách nhiệm của mỗi cá nhân, nhóm xã hội đối với người thực hiện công tác quản lý của nhà nước (Lý Hành Sơn, 2020). Ý thức quốc gia của tộc người còn được nhận diện thông qua hiểu biết về

² Đề tài đã tiến hành quan sát tham gia, thực hiện các cuộc thảo luận nhóm, phỏng vấn sâu với nhiều người cung cấp tin thuộc các lứa tuổi, giới tính khác nhau để tìm hiểu về ý thức quốc gia của các tộc người tại xã Quang Kim, xã A Mú Sung thuộc huyện Bát Xát và xã Tả Ngải Chồ tại huyện Mường Khương. Thực hiện điều tra 207 phiếu hỏi tại xã Quang Kim (105 phiếu hỏi cho người Giáy) và xã Tả Ngải Chồ (102 phiếu hỏi cho người Hmông) để thu thập các thông tin định lượng về nội dung này. Chúng tôi không tiến hành điều tra phiếu hỏi đối với người Hmông tại xã A Mú Sung vì sự liên hệ xuyên biên giới của nhóm Hmông này hạn chế hơn do điều kiện tự nhiên của khu vực. Thêm nữa, tại thời điểm khảo sát, phần lớn người Hmông trên địa bàn đang quay trở về xã Dìn Chìn để thăm thân. Số liệu nghiên cứu định lượng thu thập ở người Giáy chủ yếu là phỏng vấn phụ nữ, do phần lớn đàn ông trên địa bàn đi bốc xếp hàng tại khu vực cửa khẩu không có mặt tại địa phương. Vì thế, các số liệu định lượng đối với dân tộc Giáy không có ý nghĩa về mặt phân tích theo giới tính. Xét về lứa tuổi, 41,9% người trả lời là người Giáy trên 51 tuổi, trong khi đó phần đông người trả lời của nhóm tộc người Hmông 50 tuổi trở xuống, người trên 51 tuổi chỉ chiếm 7,8%. Sự khác biệt này phần nào ảnh hưởng đến thông tin thu thập được từ nguồn điều tra định lượng. Xét về học vấn, 43/105 người Giáy trả lời chưa được đi học, rơi vào hai nhóm tuổi: 30-50 và 51 tuổi trở lên. Trong khi đó, 17/102 người Hmông tham gia khảo sát chưa được đi học ở tất cả các nhóm tuổi. Nhóm người Hmông trên 51 tuổi phần lớn mù chữ hoặc chỉ học đến cấp 1.

các biểu tượng mang tính chung của quốc gia như đường biên giới, quốc kỳ, quốc ca, lãnh tụ, thủ đô (Vương Xuân Tinh, 2018).

Trong Nhân học, khi nghiên cứu về ý thức quốc gia - dân tộc, các nhà nhân học thường áp dụng lý thuyết “cảm thức thuộc về” để nghiên cứu dưới khía cạnh chính trị - xã hội nhằm xác định quyền công dân, ý thức tộc người và ý thức quốc gia dân tộc (Yuval - Davis, 2006; Antonsich, 2010). “Cảm thức thuộc về” được định nghĩa là “cảm giác”, “ý thức” và “các hành động” của cá nhân và cộng đồng để gắn kết họ với một vùng đất/một cảnh quan, một nhóm xã hội, một dân tộc, một quốc gia và xây dựng ý thức về thành viên được xã hội công nhận (Antonsich, 2010; Wright, 2015). “Cảm thức thuộc về” mang ý nghĩa chính trị được dựa trên nhiều tiêu chí đánh giá, bao gồm nguồn gốc hoặc ngoại hình của con người, thời gian sinh sống trong khu vực, tham gia vào các sự kiện lịch sử, sự tương thích của tôn giáo, văn hóa, hệ tư tưởng của cá nhân với hệ tư tưởng thống trị... (Antonsich, 2010).

Dựa trên khái niệm về ý thức quốc gia và lý thuyết “cảm thức thuộc về”, bài viết này phân tích, đánh giá ý thức quốc gia của các tộc người thiểu số ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc tại tỉnh Lào Cai ở các khía cạnh ý thức của cá nhân về quốc gia Việt Nam, tình cảm đối với quốc gia Việt Nam và sự tham gia của cá nhân và cộng đồng vào xây dựng Tổ quốc Việt Nam.

2. Khái quát về tộc người và địa bàn nghiên cứu

Người Giáy và người Hmông là hai tộc người cư trú khá đông ở khu vực biên giới của tỉnh Lào Cai. Hai tộc người này có nhiều mối quan hệ đồng tộc, thân tộc, kinh tế, văn hóa, xã hội xuyên biên giới với phía Trung Quốc. Nghiên cứu này được thực hiện tại xã Quang Kim, xã A Mú Sung của huyện Bát Xát và xã Tả Ngải Chồ của huyện Mường Khương.

Xã Quang Kim là xã biên giới vùng thấp của huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, có 4,6km đường biên giới tự nhiên với Trung Quốc là con sông Hồng, giáp với thị trấn Hà Khẩu, châu Hồng Hà, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Phòng Dân tộc huyện Bát Xát cho biết tại xã Quang Kim có 3.861 người Giáy, chiếm 65% tổng dân số xã. Họ là cư dân sinh sống ở đây từ rất lâu đời và có nhiều hoạt động sinh kế hàng ngày liên quan đến biên giới hoặc xuyên biên giới như buôn bán hàng tại các khu vực cửa khẩu, buôn bán rau xuyên biên giới, bán hàng hoặc làm thuê cho các công ty xuyên biên giới...

Xã A Mú Sung là xã biên giới vùng cao của huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, là địa phương đầu tiên nơi sông Hồng chảy vào lãnh thổ Việt Nam. Sông Hồng và suối Lũng Pô là đường biên giới tự nhiên giữa xã Tả Ngải Chồ và các địa phương thuộc châu Hồng Hà, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc, với tổng chiều dài khoảng 18km. Theo thống kê của chính quyền xã A Mú Sung, hiện đang có 929 người Hmông cư trú trên địa bàn với 4 thôn, sinh sống chủ yếu bằng nghề làm ruộng và nương rẫy. Họ không phải là tộc người cư trú lâu đời tại xã A Mú Sung mà

được chính quyền chuyển cư từ khu vực vùng sâu của xã Dìn Chín, huyện Mường Khương ra sinh sống ở vùng biên giới từ năm 2007.

Xã Tả Ngải Chồ là xã vùng cao biên giới của huyện Mường Khương, có đường biên giới dài khoảng 7,5km giáp với huyện Hà Khẩu, châu Hồng Hà, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Đây là địa phương có đường biên giới trên bộ rất dễ dàng và thuận tiện cho sự qua lại hai bên biên giới của người dân trước đây. Theo số liệu cung cấp của phòng Dân tộc huyện Mường Khương, dân số xã Tả Ngải Chồ có 3.152 người, trong đó người Hmông chiếm 98,5%. Người Hmông là tộc người cư trú tại xã Tả Ngải Chồ từ lâu đời. Bên cạnh sinh kế chính là nông nghiệp, người Hmông có nhiều hoạt động sinh kế xuyên biên giới như buôn bán, trao đổi hàng hóa với phía Trung Quốc và lao động làm thuê xuyên biên giới.

3. Ý thức quốc gia của người Giáy và người Hmông tại khu vực biên giới tỉnh Lào Cai

3.1. Ý thức cá nhân về Tổ quốc Việt Nam

Ý thức cá nhân về Tổ quốc Việt Nam mà bài viết muốn đề cập bao gồm các nhận thức về biên giới quốc gia, hệ thống luật pháp, quyền và nghĩa vụ công dân, sử dụng ngôn ngữ quốc gia.

- Nhận thức về biên giới quốc gia.

Biên giới quốc gia ở đây là chỉ biên giới trên bộ, gắn liền với địa bàn sinh sống của các tộc người. Trong nhận thức của cộng đồng người Giáy và Hmông sinh sống ở vùng biên giới của tỉnh Lào Cai, biên giới quốc gia không phải là một khái niệm xa xôi mà nó gắn liền với các hoạt động trong đời sống hàng ngày của họ, do đó họ nhận thức một cách rất rõ ràng đâu là đường ranh giới giữa Việt Nam và Trung Quốc, khu vực nào là thuộc Việt Nam và khu vực nào thuộc Trung Quốc. Khi được hỏi về biên giới Việt Nam - Trung Quốc cách nhà ông, bà có xa không, một người đàn ông Hmông ở xã A Mú Sung đã trả lời: *“Không xa đâu, đứng đây là nhìn thấy mà. Bên này sông là Việt Nam và bên kia sông là Trung Quốc”*. Người Hmông ở xã Tả Ngải Chồ thì cho biết: *“Biên giới Việt Nam với Trung Quốc ở ngay gần làng. Hồi trước, chúng tôi hay chăn trâu ở chỗ đó suốt”*. Một người phụ nữ Giáy thì hỏi lại: *“Biên giới muốn hỏi là biên giới nào? Nếu là cửa khẩu thì cách chỗ chúng tôi ở là 10km, còn nếu là biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc thì ở ngay cạnh làng đây thôi, chỗ con sông ấy”*. Người này còn cho biết thêm: *“Trước kia chúng tôi đi bán rau thường xuống sông để đi đò qua bên Trung Quốc, sau này không được đi đò nữa thì chúng tôi đi qua đường cửa khẩu, sáng đi tối về”*. Bên cạnh đó, các khu vực biên giới đều có các biển cảnh báo vành đai biên giới, các cột mốc biên giới đều được xây dựng kiên cố nên cũng hỗ trợ trong việc nâng cao nhận thức của người dân về biên giới quốc gia.

Có 73,4% số người được hỏi, trong đó 78,6% người Giáy và 68% người Hmông cho biết họ đã từng đi qua biên giới để sang phía Trung Quốc. Nhiều người trong số họ đã đi lại nhiều lần. Vào trước thời điểm diễn ra dịch COVID-19, nhiều người Giáy đã qua lại biên giới hàng ngày để bán rau tại chợ Hà Khẩu, hoặc đi làm thuê cho các nhà máy, xí nghiệp sản xuất

và tư nhân bán hàng hóa ở thị trấn Hà Khẩu. Một bộ phận nhỏ qua lại thăm thân, tuy nhiên ít hơn so với người Hmông vì thân nhân của người Giáy ở tỉnh Lào Cai sinh sống phía Trung Quốc qua Việt Nam thăm họ là chính. Người Hmông thì qua lại biên giới trao đổi hàng hóa, đi làm thuê và thăm thân là chủ yếu. Nhiều người Hmông ở xã Tả Ngải Chồ thường xuyên chăn trâu, bò ở các bãi chăn thả sát đường biên giới và trước kia họ thỉnh thoảng cũng đi lại qua đường biên giới trong khi chăn trâu, bò. Phần lớn người dân được hỏi đều trả lời họ tuân thủ đầy đủ các quy định về vùng biên giới. Các quy định này đã được biên phòng và chính quyền địa phương đến tận làng, bản để phổ biến cho người dân. Trước đây, người Giáy đi đò qua vùng biên giới thường không làm giấy thông hành, nhưng khoảng 10 năm trở lại đây, bà con người Giáy đã không còn vượt sông qua biên giới nữa. Khi đi làm việc hoặc buôn bán bên Trung Quốc (tại thị trấn Hà Khẩu hoặc sâu hơn trong nội địa) trong thời gian gần đây, họ đều làm giấy thông hành theo đúng quy định. Người dân qua lại bên biên giới làm việc hoặc mua bán thường chỉ đi lại trong ngày, ít có trường hợp ở lại nhiều ngày. Bên cạnh giấy thông hành, người dân vùng biên giới còn sử dụng hộ chiếu hoặc chứng minh thư để nhập cảnh vào phía Trung Quốc. Một bộ phận dân cư không đi theo đường cửa khẩu chính thức thì không sử dụng bất cứ giấy tờ gì để nhập cảnh. Người Hmông có tỷ lệ đi qua biên giới bằng lối mòn, lối mở, vượt suối nhiều hơn, khi đó họ thường không sử dụng bất cứ thứ giấy tờ nào (44,9%).

Từ năm 2020, với lý do ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh COVID-19, chính quyền Trung Quốc đã tiến hành xây dựng hệ thống hàng rào suốt dọc biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Hệ thống hàng rào này được xây dựng cao khoảng 2m, dưới là trụ bê tông, trên là rào sắt, có thể gắn điện hoặc camera theo dõi. Tính đến cuối năm 2021, hệ thống hàng rào này cơ bản được hoàn thành ở biên giới Việt Nam - Trung Quốc tại tỉnh Lào Cai. Hệ thống tường rào được xây dựng đã nâng cao ý thức quốc gia, nhận thức của người dân tỉnh Lào Cai về biên giới chủ quyền quốc gia, ngăn chặn việc di chuyển qua biên giới trái phép, tăng cường việc tuân thủ các quy định về an ninh biên giới và hạn chế tệ nạn xã hội. Tuy nhiên, hệ thống hàng rào này cũng có những ảnh hưởng bất lợi đến cuộc sống người dân như: hạn chế sự liên hệ xuyên biên giới giữa những người họ hàng và những người đồng tộc xuyên biên giới (19,8%), ảnh hưởng đến phát triển kinh tế (16,9%), trong đó điều này được ghi nhận ở bộ phận người Hmông nhiều hơn so với người Giáy. Qua điều tra cho thấy, những ảnh hưởng về kinh tế được ghi nhận là cao hơn so với các vấn đề xã hội khác vì hầu như các hoạt động kinh tế xuyên biên giới đã không thực hiện được; các sản phẩm nông nghiệp và trái cây không xuất khẩu được qua đường chính ngạch vì không nằm trong danh mục hàng xuất khẩu chính ngạch; các hoạt động buôn bán lẻ, lao động làm thuê xuyên biên giới tạm ngừng. Nhiều người dân ở vùng biên giới, nhất là lớp trẻ, đã chuyển hướng từ di cư lao động xuyên biên giới sang di cư nội địa, đến các khu công nghiệp ở nhiều địa phương trên cả nước.

Có 33,8% trong số người được hỏi tham gia các hoạt động giữ gìn trật tự, an ninh đường biên giới, trong đó có 30,5% người Giáy và 37,3% người Hmông. Việc tuần tra, phát

quang biên giới được thực hiện luân phiên giữa các nam giới, chủ yếu là ở lứa tuổi trung niên và thanh niên tại các thôn biên giới. Người dân thường xem đó là trách nhiệm phải làm của mình. Trong giai đoạn Trung Quốc tiến hành xây hàng rào biên giới, nhiều người dân vùng biên giới huyện Mường Khương đã báo cáo với chính quyền và bộ đội biên phòng về những trường hợp xây tường rào không đúng với các quy định đã ký về đường biên giới giữa chính phủ Việt Nam và chính phủ Trung Quốc.

- Nhận thức về hệ thống luật pháp

Có 85% người được hỏi cho biết có sự nhận thức về luật pháp của Nhà nước Việt Nam, trong đó người Giáy cho thấy có sự nhận thức về luật cao hơn so với người Hmông (90,4% so với 79,4%). Tỷ lệ nữ giới không biết luật nào cao hơn so với nam giới. Người có trình độ học vấn càng cao thì nhận thức được nhiều luật hơn. Có 30% số người không biết luật nào là những người chưa từng đi học; 46,7% số người có trình độ học vấn từ Trung cấp trở lên nhận thức từ 6 luật trở lên. Trong các luật pháp của Việt Nam, tỷ lệ người Giáy và người Hmông nhận thức về Luật Hôn nhân và Gia đình là cao nhất, với 90,5% ở người Giáy và 95,1% ở người Hmông. Các Luật Dân sự và Luật Hình sự cũng được người dân nhận thức với tỷ lệ khá, với 59,1% và 56,3%. Sau đó là đến Luật Biên giới quốc gia (48,3%), Luật Đất đai (41,5%), Luật Kinh doanh (21,6%); và 2 trường hợp người Hmông có biết thêm Luật Lao động. Nếu như người Giáy có thể kể tên nhiều luật mà họ biết đến như Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Đất đai... thì người Hmông ít biết tên các luật này hơn. Mặc dù không biết được chi tiết các luật này như thế nào nhưng người dân đều biết một cách sơ bộ những việc họ nên làm và không nên làm. Ví dụ, họ biết không được tham gia vào các tệ nạn xã hội, cảnh giác với việc buôn bán người, không được kết hôn khi chưa đến tuổi theo quy định, con cái sinh ra phải được khai sinh, phải được đi học...

- Nhận thức về quyền và nghĩa vụ công dân

Phần lớn người Giáy và người Hmông được hỏi đều tự nhận thức được quyền và nghĩa vụ công dân của mình. Tỷ lệ người được hỏi biết về các quyền công dân về chính trị là cao nhất (85%), đặc biệt là quyền bầu cử vì họ vừa tham gia bầu cử Quốc hội vào tháng 5/2021. Tuy nhiên, rất ít người biết về quyền ứng cử, quyền tham gia quản lý xã hội. Tỷ lệ người biết về quyền khiếu nại và tố cáo cũng không cao, đạt 43,5%. Có 75,8% người được hỏi cho biết họ nhận thức các quyền về kinh tế, “*được tự do làm ăn, phát triển kinh tế*”, “*được Nhà nước hỗ trợ phát triển kinh tế*”. Quyền lao động và sở hữu tài sản cũng được nhắc đến nhưng ít hơn so với quyền được kinh doanh, phát triển kinh tế. Có 75,4% người được hỏi có nhận thức các quyền về xã hội như quyền về hôn nhân gia đình, quyền được chăm sóc về y tế, quyền được học tập và giải trí,... Hầu như toàn bộ người Giáy và người Hmông được hỏi đã từng nhận được hỗ trợ của Nhà nước qua việc cấp phát Bảo hiểm y tế miễn phí và chế độ ưu đãi trong giáo dục dành cho con em nên họ có nhận thức khá rõ về các quyền lợi này của bản thân. Các

quyền về giáo dục, quyền tự do dân chủ và tự do cá nhân cũng được trên 70% số người được hỏi nhận biết. Quyền tự do dân chủ và tự do cá nhân được người dân đề cập nhiều nhất ở đây là quyền được tự do cư trú, quyền được tự do trong các mối quan hệ xã hội, quyền được đi lại. Người Giáy có tỷ lệ nhận thức về các quyền công dân cao hơn so với người Hmông. Nam giới có tỷ lệ nhận thức về quyền chính trị và quyền khiếu nại, tố cáo cao hơn so với nữ; trong khi đó ở các quyền công dân khác thì sự khác biệt giữa nam và nữ trong nhận thức quyền công dân không lớn. Trình độ học vấn cũng có tác động đến sự nhận biết quyền công dân ở hai tộc người này. Trình độ học vấn càng cao thì tỷ lệ nhận thức về quyền công dân càng lớn và ngược lại. Chỉ có 6,7% người Giáy và 6,9% người Hmông được hỏi cho biết họ không biết quyền công dân của mình là gì, phần lớn trong số họ là nữ giới không được đi học.

Người Giáy và người Hmông cư trú ở vùng biên giới của tỉnh Lào Cai cũng cho thấy những nhận thức về nghĩa vụ công dân của họ. Có 51,7% số người được hỏi nhận thức được bốn nghĩa vụ công dân, 15% nhận thức được ba nghĩa vụ công dân và cũng có 15% nhận thức được hai nghĩa vụ công dân, 13,5% nhận thức được một nghĩa vụ công dân và 4,8% ý kiến không biết về nghĩa vụ công dân. Người Giáy nhận thức về nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc và tham gia bảo vệ Tổ quốc là cao nhất với tỷ lệ là 88,6%. Trong khi đó, người Hmông nhận thức về nghĩa vụ tuân theo hiến pháp và pháp luật đạt tới 89,2%, cao nhất trong nhận thức về các nghĩa vụ của công dân, cao hơn cả tỷ lệ nhận thức của người Giáy về nghĩa vụ này. Người Giáy dường như khá miễn cảm trước mệnh đề “trung thành với Tổ quốc”. Khi hỏi về câu hỏi này, phần lớn họ thể hiện thái độ rất cương quyết, tỏ rõ lòng trung thành với Tổ quốc Việt Nam. Nguyên nhân có thể xuất phát từ những mặc cảm trong quá khứ về một bộ phận nhỏ người Giáy đã bỏ về Trung Quốc trong cuộc chiến tranh biên giới năm 1979. Có lẽ cũng bởi những mặc cảm này nên khi trả lời phỏng vấn, nhiều người Giáy vẫn nhấn mạnh vào việc họ là công dân Việt Nam, trung thành với Tổ quốc Việt Nam chứ không phải là người Trung Quốc. Khi nhớ lại sự kiện Trung Quốc tấn công biên giới Việt Nam vào năm 1979, một người Giáy cho biết: *“Người Giáy ở đây từ xưa rồi, gốc tích ở đây. Những người già nghe được tin nói Trung Quốc sắp đánh Việt Nam nên bỏ quần áo vào bị, gạo vào túi để sẵn ở đầu giòng, nghe tiếng súng là dẫn con, cháu vào hang trốn. Dân lúc đó cũng nghe được lời kêu gọi Trung Quốc sắp đánh Việt Nam, người Trung Quốc phải trở về Trung Quốc. Nhưng những già làng đã nói với đồng bào mình là: người Giáy là người Việt Nam, chỉ có người Hoa mới là người Trung Quốc”* (PVS, dân tộc Giáy, nữ, 58 tuổi). Việc đi nghĩa vụ quân sự để tham gia bảo vệ Tổ quốc và nghĩa vụ tham gia vào các hoạt động giữ gìn trật tự trị an, tuần tra biên giới được cả hai cộng đồng người Giáy và người Hmông nhận thức cao. Nghĩa vụ đóng thuế xây dựng đất nước và các loại lệ phí của địa phương được 61,8% ý kiến đồng thuận của người được hỏi và tỷ lệ nhận thức về nghĩa vụ này ở người Giáy cao hơn so với người Hmông (72,4% và 51,0%). Nhiều người Hmông cho rằng đời sống của họ còn gặp nhiều khó khăn nên họ không đóng góp được nhiều cho xây dựng đất nước.

- *Nhận thức về ngôn ngữ quốc gia*

Có 71,3% người Giáy và 90,6% người Hmông được hỏi cho rằng tiếng Việt là ngôn ngữ quốc gia, vì vậy việc học tập ngôn ngữ quốc gia là cần thiết. Các tộc người thiểu số sinh sống ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc thường là những người có thể sử dụng được nhiều ngôn ngữ. Ngoài tiếng mẹ đẻ, họ có thể sử dụng ngôn ngữ thứ hai hoặc nhiều hơn nữa. Người Giáy ở xã Quang Kim có thể sử dụng tiếng Giáy và tiếng Việt. Một bộ phận người Giáy, đặc biệt những người trẻ thường đi làm thuê ở Trung Quốc có thể nói được tiếng Trung. Người Hmông có thể sử dụng tiếng Hmông, tiếng Việt và tiếng Quan Hỏa - một phương ngữ tiếng Trung được sử dụng phổ biến ở châu Hồng Hà, Trung Quốc. Mặc dù sử dụng nhiều ngôn ngữ nhưng 99,5% số người được hỏi cho biết cần thiết phải học tập tiếng Việt. Họ nhận thức việc sử dụng thành thạo tiếng Việt có thể giúp ích cho việc làm ăn kinh tế (77,2%), mở rộng các mối quan hệ xã hội (71,6%), có thể đi lại nhiều nơi (58,4%), hiểu biết nhiều hơn (6,1%).

3.2. Tình cảm đối với quốc gia Việt Nam

“*[Tôi là] người Việt Nam*”- đây là câu nói của 100% người Giáy và 99% người Hmông khi được hỏi ý thức về quốc gia mà họ thuộc về. Chỉ một phụ nữ người Hmông mù chữ không biết mình là công dân của quốc gia nào. Người Giáy ở xã Quang Kim và người Hmông ở xã Tả Ngải Chồ cho biết họ là người đã sinh sống lâu đời ở đây. Vùng đất này là địa phận của Việt Nam, thuộc về Việt Nam nên đương nhiên họ là người Việt Nam. Những người Hmông ở xã A Mú Sung thì cho biết họ nguyên là người cư trú ở xã Dìn Chìn từ lâu đời. Năm 2007, theo hướng dẫn của Nhà nước, người Hmông đã di cư ra vùng đất A Mú Sung để làm ăn kinh tế và giữ đất đai vùng biên cương của Tổ quốc. Họ là công dân của Việt Nam.

Khi được hỏi về tình cảm đối với Việt Nam, hầu hết mọi người đều trả lời là yêu quý Việt Nam vì Việt Nam là quê hương của họ. Khi nói về tình yêu nước, nhiều người Giáy ngoài việc nhấn mạnh họ yêu quý đất nước ra sao còn thể hiện bằng ánh mắt rung rung, lời nói xúc động. Trong khi đó, người Hmông thường chỉ đáp lại câu hỏi về tình cảm đối với đất nước Việt Nam một cách ngắn gọn: “*yêu chứ*”, “*yêu*”. Như đã đề cập, có thể cảm xúc của người Giáy đối với đất nước Việt Nam chịu ảnh hưởng bởi cuộc chiến tranh biên giới năm 1979. Khi đó, nhiều người Giáy tạm thời rời bỏ nhà cửa của họ để vào trú ẩn tại các hang đá ở xung quanh khu vực họ sinh sống. Họ phải sống vài tháng trong hang với tâm trạng lo sợ bị phát hiện, bị giết hại. Cho đến khi chiến tranh kết thúc, có người đến cửa hang kêu gọi là hết đánh nhau rồi thì họ mới dám ra ngoài, về lại ngôi nhà quen thuộc của mình. Trong cuộc chiến đó, một bộ phận người Giáy đã rời bỏ Việt Nam sang sinh sống tại Trung Quốc. Việc một bộ phận người Giáy bỏ sang Trung Quốc sinh sống đã làm cho một số người Giáy cảm thấy áy náy, tủi hổ. Một số người thừa nhận là họ đã từng rất giận những người họ hàng bỏ sang bên kia biên giới. Sau khi quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc được bình thường hóa vào năm 1991, việc đi lại thăm thân giữa những người Giáy cư trú ở hai đất nước được chính quyền địa phương tạo điều kiện thuận lợi nếu thực hiện đầy đủ các yêu cầu về giấy tờ pháp lý

giữa chính quyền hai nước. Một số người Giáy ở Trung Quốc cũng giúp đỡ về vật chất, công ăn việc làm cho người họ hàng ở Việt Nam. Có một số người già có con cái ở Trung Quốc, chính quyền địa phương vận động họ sang Trung Quốc để con cháu chăm sóc. Tuy nhiên, những người này từ chối vì cho rằng, họ sinh ra và lớn lên ở Việt Nam, quê hương của họ là ở đây nên họ không đi đâu cả, họ muốn chết ở Việt Nam.

Người Hmông ở xã A Mú Sung từ Trung Quốc di cư sang Lào Cai từ rất nhiều đời. Thậm chí, nhiều người không còn nhớ nguồn gốc Trung Quốc. Khi hỏi đến quê hương, người ta chỉ biết nói là ở Dìn Chin, Pha Long, Lào Cai nơi người Hmông ở xã A Mú Sung còn nhiều anh em họ hàng. Vào các dịp lễ, Tết hoặc khi gia đình anh em có công việc (hiếu, hỷ), người Hmông ở xã A Mú Sung vẫn đi xe máy về Dìn Chin để thăm thân hoặc tham dự các công việc của anh em, dòng họ. Người Hmông ở xã Tả Ngải Chồ cũng cho biết là họ sinh sống ở trong địa phương từ lâu đời. Nơi đây là quê hương của họ và họ dành tình cảm yêu quý của mình cho vùng đất này. Với bản tính ít nói, ít thổ lộ tình cảm nên người Hmông nơi đây chỉ sử dụng những lời nói ngắn gọn để thể hiện tình cảm của mình đối với quê hương Việt Nam.

Chỉ có một trường hợp phụ nữ người Hmông cho biết tình cảm của mình đối với quê hương Việt Nam là bình thường. Người phụ nữ này tâm sự rằng: *“Vẫn biết mình là người Việt Nam đấy nhưng mình ước được là người Trung Quốc bởi vì mình nghèo quá. Nếu mình là người Trung Quốc thì mình giàu hơn rồi”* (PVS, nữ, 40 tuổi, dân tộc Hmông, xã Tả Ngải Chồ). Mặc dù đây chỉ là một ý kiến cá nhân nhưng cũng cần lưu tâm bởi khi đời sống khó khăn, người dân dễ nảy sinh tâm lý so sánh cuộc sống giữa hai quốc gia, ảnh hưởng đến ý thức quốc gia của người dân vùng biên giới.

3.3. Sự tham gia của cá nhân và cộng đồng vào xây dựng Tổ quốc Việt Nam

Ở đây, sự tham gia của cá nhân và cộng đồng vào xây dựng Tổ quốc Việt Nam được xem xét dưới hai khía cạnh: sự nhận thức, tham gia và hưởng lợi từ các chương trình, dự án phát triển của Nhà nước và sự tham gia vào hệ thống giáo dục quốc gia.

- Sự nhận thức, tham gia và hưởng lợi từ các chương trình, dự án phát triển của Nhà nước

Khu vực biên giới của tỉnh Lào Cai được Nhà nước ưu tiên thực hiện nhiều chương trình sắp xếp dân cư, ổn định vùng biên giới, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, chương trình hỗ trợ giảm nghèo, chương trình an sinh xã hội, chương trình xây dựng Nông thôn mới...

Chương trình ổn định, sắp xếp dân cư ở vùng biên giới được thực hiện ở các huyện Mường Khương và Bát Xát từ những năm 1990 sau khi Việt Nam và Trung Quốc bình thường hoá quan hệ. Người Hmông ở vùng sâu của xã Pha Long, huyện Mường Khương được di chuyển ra định cư ở xã Bản Lầu, huyện Mường Khương năm 1997. Người Hmông hiện đang định cư ở xã A Mú Sung, huyện Bát Xát cũng được di chuyển theo chương trình ổn định, sắp xếp dân cư từ vùng sâu của xã Dìn Chin, Pha Long, huyện Mường Khương ra vùng biên giới vào năm 2006-2007. Khi chuyển cư ra vùng đất mới, mỗi hộ dân được chia 1ha đất để canh tác, được cung cấp gói để làm nhà và được hỗ trợ một khoản tiền ăn trong thời gian 6 tháng.

Nhờ chương trình phát triển kinh tế - xã hội, Chương trình 135, Chương trình xây dựng Nông thôn mới mà đường giao thông nông thôn đã được xây dựng đến tận các bản làng, dù xa xôi. Các con đường giao thông được xây dựng và trải nhựa, ô tô có thể đi đến tận các thôn bản, giúp cho người dân các tộc người thiểu số có thể đi lại dễ dàng, có điều kiện để phát triển kinh tế, giao lưu hàng hóa, phát triển du lịch cộng đồng... Họ được vay vốn để phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo và nhận được nhiều hỗ trợ về chăm sóc sức khỏe, giáo dục đào tạo. Nhiều vùng biên giới của huyện Bát Xát, Mường Khương đã thoát khỏi danh sách vùng III (vùng đặc biệt khó khăn) để chuyển sang vùng I. Bên cạnh niềm vui vì điều kiện kinh tế đã phát triển hơn, nhiều người Giáy và người Hmông còn băn khoăn do họ không được Bảo hiểm y tế miễn phí như khi còn ở vùng III. Nhiều người Giáy có thể chi trả tiền Bảo hiểm y tế hàng năm nhưng một bộ phận người Hmông vẫn còn gặp khó khăn khi phải tự mua Bảo hiểm y tế. Tỷ lệ người Hmông mua Bảo hiểm y tế tự nguyện tại thôn Tùng Sáng, xã A Mú Sung chỉ đạt 16,9% năm 2020. Trẻ em đến tuổi đi học mẫu giáo, phổ thông đã không còn nhận được các hỗ trợ miễn giảm học phí, hỗ trợ bữa ăn trưa hàng ngày (đối với học sinh mẫu giáo và học sinh phổ thông bán trú), hỗ trợ gạo hàng tháng (đối với học sinh phổ thông không bán trú), hỗ trợ sách, vở...

Người dân vùng biên giới nhận thức về các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương cao hơn so với tỷ lệ nhận thức về các chương trình, chính sách khác của Đảng và Nhà nước Việt Nam, chiếm 67,1%, trong đó người Giáy có nhận thức về các chương trình này cao hơn ở người Hmông. Tiếp theo đó là nhận thức về các chương trình xóa đói, giảm nghèo - 56%, xây dựng cơ sở hạ tầng - 44,4%, hỗ trợ dân tộc thiểu số - 42% và phát triển vùng biên - 34,8%. Đối với các chương trình này, tỷ lệ nhận thức của người Hmông cao hơn so với người Giáy. Cả người Giáy và người Hmông khi được hỏi cụ thể tên của các chương trình, chính sách thì hầu như không kể được tên chính sách cụ thể. Nhưng nếu gợi ý tên các chương trình thì họ lại biết được những nội dung nhất định. Chẳng hạn, với chương trình xóa đói giảm nghèo, họ hiểu là được hỗ trợ vay vốn với lãi suất ưu đãi; chương trình phát triển cơ sở hạ tầng, họ hiểu là thôn, xã của họ được xây dựng đường giao thông, trường học; chương trình phát triển vùng biên là ổn định dân cư vùng biên giới; chương trình phát triển kinh tế - xã hội là đầu tư phát triển kinh tế địa phương; chương trình hỗ trợ dân tộc thiểu số là được phát the Bảo hiểm y tế và con cái đi học được miễn giảm học phí, hỗ trợ tiền ăn...

Người Giáy và người Hmông tham gia nhiều vào chương trình phát triển kinh tế - xã hội địa phương với tỷ lệ là 59,9%, trong đó tỷ lệ tham gia của người Giáy cao hơn so với người Hmông. Tiếp đến là các chương trình xóa đói, giảm nghèo; xây dựng cơ sở hạ tầng; hỗ trợ dân tộc thiểu số và phát triển vùng biên. Tỷ lệ người Hmông tham gia vào các chương trình, chính sách này cao hơn so với người Giáy. Với việc tham gia vào các chương trình, chính sách phát triển của Đảng và Nhà nước, người dân cũng nhận thức được họ là người hưởng lợi từ các chương trình và chính sách phát triển. Người Hmông nhận thức mình được hưởng lợi từ các chương trình, chính sách của Đảng và Nhà nước cao hơn so với người Giáy. Tỷ lệ người Hmông cho rằng mình được hưởng lợi từ chính sách xóa đói giảm nghèo là

55,9%, cao hơn gấp 3 so với tỷ lệ này của người Giáy là 18,1%. Tỷ lệ người Hmông cho biết được hưởng lợi từ chương trình phát triển cơ sở hạ tầng cũng cao gần gấp đôi so với tỷ lệ này ở người Giáy, tương ứng với 45,1% và 22,9%. Người Hmông cũng cho thấy sự hưởng lợi cao của họ từ chương trình phát triển biên giới, với tỷ lệ nhận thức cao gần gấp 3 lần so với tỷ lệ này ở người Giáy, 36,3% và 12,4%. Với chương trình hỗ trợ dân tộc thiểu số cũng vậy, tỷ lệ này ở người Hmông hơn gấp 3 lần so với người Giáy, 46,1% và 17,1%. Riêng chương trình phát triển kinh tế - xã hội thì tỷ lệ nhận thức hưởng lợi ở hai dân tộc là ngang nhau, ở người Giáy (57,1%) có cao hơn so với người Hmông (55,9%) nhưng không đáng kể.

- Sự tham gia vào hệ thống giáo dục quốc gia

Các tộc người thiểu số vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc tại các địa phương được khảo sát khá tích cực tham gia vào các hoạt động của hệ thống giáo dục. Họ nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục trong sự phát triển đời sống của các thế hệ trẻ. Tuy nhiên, việc tiếp thu giáo dục của các tộc người có sự khác nhau, chủ yếu cũng do năng lực sử dụng ngôn ngữ. Người Giáy có khả năng ngôn ngữ tốt, sử dụng tiếng Việt thành thạo nên việc tiếp thu học tập có nhiều thuận lợi. Con em dân tộc Giáy sau khi kết thúc bậc học Trung học cơ sở tại xã, thường tiếp tục học lên các bậc học cao hơn ở huyện, tỉnh và những địa phương khác. Nhiều người sau khi tốt nghiệp Đại học đã quay trở về tham gia vào chính quyền cấp cơ sở hoặc các công việc khác tại quê hương. Trong khi đó, người Hmông do khả năng ngôn ngữ còn hạn chế, nên việc tiếp thu tại các trường học gặp nhiều khó khăn hơn. Các trường học trên địa bàn người Hmông lại dạy chương trình hoàn toàn bằng tiếng Việt, không có song ngữ với tiếng Hmông nên cũng hạn chế nhiều trong chất lượng dạy và học. Tuy vậy, cũng có một số người Hmông tại xã A Mú Sung tiếp tục theo học lên các bậc học cao hơn, sau đó quay trở lại tham gia vào công tác tại chính quyền địa phương. Tại xã A Mú Sung, Chủ tịch xã và Phó Bí thư xã đều là người Hmông. Ở xã Tả Ngải Chồ, nhiều cán bộ trong chính quyền địa phương là người Hmông ở địa bàn, tham gia học tập ở các bậc học cao và sau đó quay lại phục vụ cho địa phương.

Có 85% người Hmông và 70,5% người Giáy được hỏi có người thân đang theo học tại các cấp học từ mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, phổ thông trung học, trung cấp và bậc đại học. Tỷ lệ người Hmông nhận được ưu đãi trong giáo dục cao hơn so với người Giáy. Có 64,9% số người Giáy được hỏi cho biết họ không nhận được các ưu đãi trong giáo dục dành cho con, em họ khi theo học tại các bậc học ở địa phương và các bậc học cao hơn, trong khi tỷ lệ này ở người Hmông chỉ là 8,2%. Phần lớn người Hmông cho biết con, em họ được miễn giảm học phí (69,4%), hỗ trợ tiền ăn (61,2%). Có 37,6% ý kiến của người Hmông cho biết con, em họ đi học được hỗ trợ chỗ ở và 14,1% được cộng điểm ưu tiên trong các kỳ thi. Các tỷ lệ này ở người Giáy đều thấp hơn rất nhiều so với người Hmông. Những người Hmông trả lời phiếu điều tra đều là người Hmông ở xã Tả Ngải Chồ, nơi vẫn thuộc vùng đặc biệt khó khăn nên con, em họ khi đi học được nhận ưu đãi nhiều hơn so với người Giáy ở xã Quang Kim thuộc vùng I. Người Hmông ở xã A Mú Sung thì cho biết cách đây vài năm, con, em họ

vẫn được hưởng những ưu đãi trong giáo dục nhưng từ khi địa phương chuyển từ vùng III lên vùng I thì con, em họ không được hưởng các ưu đãi này nữa.

Kết luận

Từ những phân tích trên đây có thể thấy rằng, ý thức quốc gia của người Giáy và người Hmông ở vùng biên giới đã được khẳng định. Hầu hết họ có ý thức công dân Việt Nam, coi Việt Nam là quê hương, có nhận thức tốt về biên giới chủ quyền quốc gia, hệ thống luật pháp, quyền công dân, nghĩa vụ công dân, ngôn ngữ quốc gia, tình cảm với quốc gia, chính sách của Nhà nước và hệ thống giáo dục quốc gia. Mặc dù vậy, sự nhận thức và hiểu biết về quốc gia Việt Nam của người Giáy và người Hmông ở vùng biên giới vẫn còn chưa đầy đủ, cần tiếp tục tăng cường truyền thông để nâng cao dân trí, củng cố ý thức quốc gia của người dân vùng biên giới.

Ý thức quốc gia của các tộc người thiểu số ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc sẽ càng củng cố hơn khi đường biên giới cứng (hàng rào biên giới) được xây dựng hoàn thiện và duy trì. Tuy nhiên, các lợi thế về kinh tế khi sinh sống cạnh đường biên mất đi do trở ngại trong trao đổi buôn bán hai bên, sự khó dịch chuyển luồng lao động khi bên Trung Quốc kiểm soát chặt chẽ để hạn chế lao động Việt Nam sang làm thuê ở vùng biên giới khiến cho kinh tế gia đình của đồng bào các tộc người thiểu số vùng biên giới trở nên khó khăn hơn. Từ đó có thể dẫn đến những so sánh giữa công dân Việt Nam và công dân Trung Quốc, và các hiện tượng xuất cư trái phép. Do đó, bên cạnh việc truyền thông nâng cao và củng cố ý thức quốc gia cho các tộc người vùng biên giới, đảm bảo an ninh vùng biên, cần có các chính sách hỗ trợ, ưu đãi doanh nghiệp nhằm chuyển dịch các hoạt động sản xuất đến khu vực biên giới, tạo điều kiện cho người dân vùng biên giới phát triển kinh tế tại quê hương mình.

Tài liệu tham khảo

1. Anderson B. (bản dịch 2019), *Những cộng đồng tưởng tượng: Suy nghĩ về nguồn gốc và sự lan truyền của chủ nghĩa dân tộc*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
2. Lê Minh Anh (2019), *Quan hệ dòng họ của người Nùng Phần Slình ở vùng cao biên giới Việt - Trung*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Antonsich, M. (2010), "Searching for belonging - an analytical framework", *Geography Compass*, No. 4(6), pp. 644-659.
4. Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ nhiệm, 2022), *Ý thức quốc gia - dân tộc của một số tộc người ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc tại tỉnh Hà Giang*, Báo cáo tổng hợp Đề tài cấp Bộ, Thư viện Viện Dân tộc học.
5. Nguyễn Thị Thanh Bình, Lý Hành Sơn (2022), "Ý thức quốc gia qua nhận thức về biên giới của một số tộc người ở khu vực biên giới huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang", *Tạp chí Dân tộc học*, số 2, tr. 20-34
6. Bùi Xuân Đính, Nguyễn Ngọc Thanh (Đồng chủ biên, 2013), *Một số vấn đề cơ bản về kinh tế - xã hội ở các vùng biên giới Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

7. Bùi Xuân Đính (2021), “Quan hệ tộc người xuyên biên giới ở một điểm vùng biên Việt Nam - Trung Quốc: Tiếp nối và đổi thay giữa hai thời điểm”, trong Viện Dân tộc học: *Về quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay* (Kỷ yếu Hội nghị Dân tộc học quốc gia năm 2020), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

8. Đậu Tuấn Nam và cộng sự (2017), *Nghiên cứu mối quan hệ tộc người ở vùng biên giới với Trung Quốc góp phần ổn định xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Tây Bắc*, Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu khoa học đề tài cấp Nhà nước mã số KHCN-TB.11X/13-18, thuộc chương trình Khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước giai đoạn 2013-2018: “Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc”.

9. Lý Hành Sơn, Trần Thị Mai Lan (Đồng chủ biên, 2017), *Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia ở Việt Nam (Nghiên cứu tại vùng miền núi phía Bắc)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

10. Lý Hành Sơn (2020), “Ý thức tộc người trong xây dựng cộng đồng quốc gia - dân tộc”, trong Viện Dân tộc học: *Một số vấn đề về tộc người trong xây dựng cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam hiện nay* (Kỷ yếu Hội nghị Khoa học quốc gia năm 2019), Nxb. Khoa học xã hội, tr. 145-168.

11. Lý Hành Sơn (2021), “Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia trong lĩnh vực kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng của một số tộc người các tỉnh biên giới Tây Bắc trong thời kỳ đổi mới”, trong Viện Dân tộc học: *Về quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay* (Kỷ yếu Hội nghị Dân tộc học quốc gia năm 2020), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 236-258.

12. Vương Xuân Tình, Lê Minh Anh (2021), “Nghiên cứu quan hệ dân tộc: Một số vấn đề lý luận từ góc nhìn về ý thức quốc gia - dân tộc của các tộc người vùng biên giới”, trong Viện Dân tộc học: *Về quan hệ dân tộc ở Việt Nam hiện nay* (Kỷ yếu Hội nghị Dân tộc học quốc gia năm 2020), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

13. Vương Xuân Tình (2018), *Quan hệ tộc người với cộng đồng quốc gia - dân tộc ở Việt Nam trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

14. Vương Xuân Tình (2019), *Cộng đồng kiến tạo: tộc người với quốc gia - dân tộc trên thế giới và ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

15. Vương Xuân Tình (2022a), “Giáo dục với ý thức quốc gia - dân tộc ở các tộc người vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 3, tr. 3-16.

16. Vương Xuân Tình (2022b), “Văn hóa với ý thức quốc gia - dân tộc của các tộc người vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 4, tr. 3-15.

17. Wright, S. (2015), “More-than-human, emergent belongings: A weak theory approach”, *Progress in Human Geography*, No. 39(4), pp. 391-411.

18. Yuval-Davis, N. (2006), “Belonging and the politics of belonging”, *Patterns of prejudice*, No. 40(3), pp. 197-214.